

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401321)
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123270063	Đặng Thị Ngọc	Ánh	13/06/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	8.0	7.0	8.0	
2	2123270013	Nguyễn Thị Kim	Chi	20/02/2005	Quản trị nhà hàng A	6.0	7.0	5.0	5.8	
3	2123270004	Huỳnh Thị	Chúc	15/03/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	7.0	7.8	
4	2121200094	Lê Nguyễn Anh	Đào	23/11/2002	Tiếng Anh F	5.0	5.0	6.0	5.5	
5	2123270162	Nguyễn Thị	Đào	05/05/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	6.0	7.3	
6	2123270019	Nguyễn Thị Thùy	Dương	19/05/2005	Quản trị nhà hàng A	5.0	7.0	6.0	6.0	
7	2123270041	Trần Thị Thuỳ	Dương	19/10/2005	Quản trị nhà hàng B	8.0	5.0	5.0	5.8	
8	2123270031	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	10/11/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	9.0	8.8	
9	2123270022	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	30/04/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	7.0	7.8	
10	2123270020	Hà Thị Da	Hân	09/10/2005	Quản trị nhà hàng A	9.0	7.0	7.0	7.5	
11	2123270088	Nguyễn Văn	Hào	25/04/2005	Quản trị nhà hàng A	8.0	7.0	7.0	7.3	
12	2122120423	Hồ Thị Thảo	Hiền	18/12/2004	Quản trị KD tổng hợp M	5.0	5.0	5.0	5.0	
13	2123270047	Hồ Nguyễn Ngọc	Hiếu	05/10/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	9.0	8.8	
14	2123270026	Trịnh Minh	Hiếu	08/11/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	9.0	8.0	8.8	
15	2123270057	Hồ Xuân	Hoa	12/09/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	6.0	7.3	
16	2123270001	Ka	Hương	06/07/2004	Quản trị nhà hàng A	5.0	5.0	5.0	5.0	
17	2123270014	Nguyễn Thị Thu	Hương	04/07/2005	Quản trị nhà hàng A	6.0	7.0	5.0	5.8	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
18	2123270049	Đinh Quốc	Huy	02/06/2005	Quản trị nhà hàng B	5.0	7.0	10.0	8.0	
19	2123270018	Nguyễn Đức Minh	Huy	28/09/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	6.0	7.3	
20	2123270009	Trần Dương	Khang	16/09/2005	Quản trị nhà hàng A	8.0	9.0	5.0	6.8	
21	2123270040	Phan Thị Ngọc	Lan	06/05/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	7.0	7.8	
22	2122110569	Hà Phước	Lộc	19/09/2003	Công nghệ thông tin N	9.0	8.0	9.0	8.8	
23	2123270025	Nguyễn Thành	Long	15/09/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	9.0	10.0	9.8	
24	2123270027	Vũ Thiên	Lực	30/03/2005	Quản trị nhà hàng A	8.0	9.0	10.0	9.3	
25	2123270067	Nguyễn Ngọc Thiên	Lý	07/02/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	8.0	8.0	8.5	
26	2123270037	Nguyễn Văn	Minh	23/02/2003	Quản trị nhà hàng B	5.0	5.0	5.0	5.0	
27	2123270042	Cao Thị	Nga	08/03/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	6.0	7.3	
28	2123270008	Võ Thị Thanh	Ngân	30/03/2005	Quản trị nhà hàng A	5.0	5.0	8.0	6.5	
29	2123270034	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	16/06/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	6.0	7.3	
30	2123270006	Nguyễn Hoàng Bảo	Nguyên	10/05/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	10. 0	6.0	8.0	
31	2123270046	Trần Thị Tuyết	Nhàn	02/03/2005	Quản trị nhà hàng B	8.0	5.0	5.0	5.8	
32	2123270062	Trần Thị Yến	Nhi	20/02/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	5.0	6.8	
33	2123270045	Lý Ánh	Như	27/03/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	7.0	7.8	
34	2123270060	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11/08/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	8.0	8.3	
35	2123270065	Nguyễn Tín	Phát	18/11/2005	Quản trị nhà hàng B	5.0	7.0	5.0	5.5	
36	2123270061	Lê Thanh	Phương	01/10/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	10.0	9.3	
37	2123270069	Trần Hoàng	Phương	12/11/2004	Quản trị nhà hàng B	5.0	5.0	5.0	5.0	
38	2123270043	Lữ Phạm Châu	Tâm	13/09/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	7.0	7.8	
39	2123270120	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/05/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	7.0	7.8	
40	2123270028	Phạm Công	Thành	12/02/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	9.0	6.0	7.8	
41	2123270054	Nguyễn Thanh	Thảo	28/06/2004	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	9.0	8.8	
42	2123270051	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/10/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	5.0	6.8	
43	2123270035	Nguyễn Thị	Thúy	26/10/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	6.0	7.3	

ST T	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP . 2	BP. 3	Điểm quá trình	Ghi chú
44	2123270044	Bùi Thị Thu	Thùy	10/03/2005	Quản trị nhà hàng B	5.0	6.0	5.0	5.3	
45	2123270039	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	12/11/2005	Quản trị nhà hàng B	9.0	7.0	7.0	7.5	
46	2123270056	Trương Minh	Toàn	09/01/2005	Quản trị nhà hàng B	5.0	9.0	5.0	6.0	
47	2123270023	Lê Thị Thuỳ	Trâm	20/06/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	7.0	7.8	
48	2123270059	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	01/06/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	9.0	8.8	
49	2123270012	Bùi Thị Huỳnh	Trang	17/08/2005	Quản trị nhà hàng A	5.0	5.0	5.0	5.0	
50	2123270058	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	03/05/2005	Quản trị nhà hàng B	9.0	7.0	6.0	7.0	
51	2123270024	Thái Thị Cẩm	Tú	21/10/2005	Quản trị nhà hàng A	5.0	6.0	5.0	5.3	
52	2123270055	Hoàng Thái	Tuấn	21/03/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	8.0	6.0	7.5	
53	2123270036	Đặng Thị	Tuyền	06/04/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	7.0	7.8	
54	2123270010	Lê Mỹ	Uyên	14/06/2002	Quản trị nhà hàng A	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	2123270111	Đàng Quang	Vinh	23/12/2004	Quản trị nhà hàng B	10.0	7.0	6.0	7.3	
56	2123270052	Nguyễn Công	Vương	23/04/2005	Quản trị nhà hàng B	10.0	9.0	10.0	9.8	
57	2123270021	Hồ Thảo	Vy	17/03/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	9.0	7.0	8.3	
58	2123270033	Nguyễn Yến	Vy	29/04/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	9.0	6.0	7.8	
59	2123270032	Trần Thị Ngọc	Yến	28/07/2005	Quản trị nhà hàng A	10.0	7.0	7.0	7.8	

TPHCM , ngày 07 tháng 11 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2024 – 2025

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – HP (23401321)

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123270063	Đặng Thị Ngọc	Ánh	13/06/2005	CCQ2327B	8.0	7.0	7,40	
2	2123270013	Nguyễn Thị Kim	Chi	20/02/2005	CCQ2327A	5.8	5.0	5,30	
3	2123270004	Huỳnh Thị	Chúc	15/03/2005	CCQ2327A	7.8	5.0	6,10	
4	2121200094	Lê Nguyễn Anh	Đào	23/11/2002	CCQ2124F	5.5	5.0	5,20	
5	2123270162	Nguyễn Thị	Đào	05/05/2005	CCQ2327A	7.3	5.0	5,90	
6	2123270019	Nguyễn Thị Thùy	Dương	19/05/2005	CCQ2327A	6.0	8.0	7,20	
7	2123270041	Trần Thị Thuỳ	Dương	19/10/2005	CCQ2327B	5.8	5.0	5,30	
8	2123270031	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	10/11/2005	CCQ2327A	8.8	5.0	6,50	
9	2123270022	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	30/04/2005	CCQ2327A	7.8	5.0	6,10	
10	2123270020	Hà Thị Da	Hân	09/10/2005	CCQ2327A	7.5	5.0	6,00	
11	2123270088	Nguyễn Văn	Hào	25/04/2005	CCQ2327A	7.3	5.0	5,90	
12	2122120423	Hồ Thị Thảo	Hiền	18/12/2004	CCQ2212M	5.0	5.0	5,00	
13	2123270047	Hồ Nguyễn Ngọc	Hiếu	05/10/2005	CCQ2327B	8.8	9.0	8,90	
14	2123270026	Trịnh Minh	Hiếu	08/11/2005	CCQ2327A	8.8	6.0	7,10	
15	2123270057	Hồ Xuân	Hoa	12/09/2005	CCQ2327B	7.3	5.0	5,90	
16	2123270001	Ka	Hương	06/07/2004	CCQ2327A	5.0	5.0	5,00	
17	2123270014	Nguyễn Thị Thu	Hương	04/07/2005	CCQ2327A	5.8	5.0	5,30	
18	2123270049	Đinh Quốc	Huy	02/06/2005	CCQ2327B	8.0	7.0	7,40	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
19	2123270018	Nguyễn Đức Minh	Huy	28/09/2005	CCQ2327A	7.3	5.0	5,90	
20	2123270009	Trần Dương	Khang	16/09/2005	CCQ2327A	6.8	8.0	7,50	
21	2123270040	Phan Thị Ngọc	Lan	06/05/2005	CCQ2327B	7.8	5.0	6,10	
22	2122110569	Hà Phước	Lộc	19/09/2003	CCQ2211N	8.8	5.0	6,50	
23	2123270025	Nguyễn Thành	Long	15/09/2005	CCQ2327A	9.8	10.0	9,90	
24	2123270027	Vũ Thiên	Lực	30/03/2005	CCQ2327A	9.3	5.0	6,70	
25	2123270067	Nguyễn Ngọc Thiên	Lý	07/02/2005	CCQ2327B	8.5	5.0	6,40	
26	2123270037	Nguyễn Văn	Minh	23/02/2003	CCQ2327B	5.0	5.0	5,00	
27	2123270042	Cao Thị	Nga	08/03/2005	CCQ2327B	7.3	5.0	5,90	
28	2123270008	Võ Thị Thanh	Ngân	30/03/2005	CCQ2327A	6.5	5.0	5,60	
29	2123270034	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	16/06/2005	CCQ2327A	7.3	5.0	5,90	
30	2123270006	Nguyễn Hoàng Bảo	Nguyên	10/05/2005	CCQ2327A	8.0	7.0	7,40	
31	2123270046	Trần Thị Tuyết	Nhàn	02/03/2005	CCQ2327B	5.8	5.0	5,30	
32	2123270062	Trần Thị Yến	Nhi	20/02/2005	CCQ2327B	6.8	5.0	5,70	
33	2123270045	Lý Ánh	Như	27/03/2005	CCQ2327B	7.8	5.0	6,10	
34	2123270060	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11/08/2005	CCQ2327B	8.3	8.0	8,10	
35	2123270065	Nguyễn Tín	Phát	18/11/2005	CCQ2327B	5.5	9.0	7,60	
36	2123270061	Lê Thanh	Phương	01/10/2005	CCQ2327B	9.3	7.0	7,90	
37	2123270069	Trần Hoàng	Phương	12/11/2004	CCQ2327B	5.0	5.0	5,00	
38	2123270043	Lữ Phạm Châu	Tâm	13/09/2005	CCQ2327B	7.8	8.0	7,90	
39	2123270120	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/05/2005	CCQ2327B	7.8	5.0	6,10	
40	2123270028	Phạm Công	Thành	12/02/2005	CCQ2327A	7.8	7.0	7,30	
41	2123270054	Nguyễn Thanh	Thảo	28/06/2004	CCQ2327B	8.8	6.0	7,10	
42	2123270051	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/10/2005	CCQ2327B	6.8	5.0	5,70	
43	2123270035	Nguyễn Thị	Thuý	26/10/2005	CCQ2327A	7.3	5.0	5,90	
44	2123270044	Bùi Thị Thu	Thùy	10/03/2005	CCQ2327B	5.3	5.0	5,10	
45	2123270039	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	12/11/2005	CCQ2327B	7.5	5.0	6,00	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
46	2123270056	Trương Minh	Toàn	09/01/2005	CCQ2327B	6.0	8.0	7,20	
47	2123270023	Lê Thị Thuỳ	Trâm	20/06/2005	CCQ2327A	7.8	5.0	6,10	
48	2123270059	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	01/06/2005	CCQ2327B	8.8	5.0	6,50	
49	2123270012	Bùi Thị Huỳnh	Trang	17/08/2005	CCQ2327A	5.0	5.0	5,00	
50	2123270058	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	03/05/2005	CCQ2327B	7.0	5.0	5,80	
51	2123270024	Thái Thị Cẩm	Tú	21/10/2005	CCQ2327A	5.3	7.0	6,30	
52	2123270055	Hoàng Thái	Tuấn	21/03/2005	CCQ2327B	7.5	8.0	7,80	
53	2123270036	Đặng Thị	Tuyền	06/04/2005	CCQ2327B	7.8	5.0	6,10	
54	2123270010	Lê Mỹ	Uyên	14/06/2002	CCQ2327A	0.0	0.0	0,00	
55	2123270111	Đàng Quang	Vinh	23/12/2004	CCQ2327B	7.3	5.0	5,90	
56	2123270052	Nguyễn Công	Vương	23/04/2005	CCQ2327B	9.8	9.0	9,30	
57	2123270021	Hồ Thảo	Vy	17/03/2005	CCQ2327A	8.3	5.0	6,30	
58	2123270033	Nguyễn Yên	Vy	29/04/2005	CCQ2327A	7.8	5.0	6,10	
59	2123270032	Trần Thị Ngọc	Yên	28/07/2005	CCQ2327A	7.8	5.0	6,10	

TPHCM , ngày 07 tháng 11 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thanh Bình